

Số: *219^a*/KH-UBND

Phong Thỏ, ngày 01 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 2255/KH-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thỏ ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), với các nội dung sau:



I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025 vào điều kiện của địa phương, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và an toàn xã tham gia thực hiện Chương trình.

2. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án được giao, gắn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị.

Việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình phải với điều kiện địa phương và đảm bảo quy định pháp luật, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các xã, thôn/bản nghèo nhằm sớm thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của huyện, mục tiêu đến năm 2025 huyện thoát khỏi huyện nghèo, tình trạng khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 6%-7%/năm.
- Hỗ trợ xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
- Hỗ trợ người nghèo; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.



- Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn cả về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; góp phần hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo và giảm nghèo bền vững;

- Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập;

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

- Phân đầu giảm 60% số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều; quy mô hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 đạt 26,14%.

- 100% xã được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi, cầu, hạ tầng điện.

- Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.



- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Đào tạo nghề cho khoảng 6.000 lao động. Hỗ trợ khoảng 250 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi và từ 6-16 tuổi xuống dưới 28% và dưới 20%.

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động trên địa bàn huyện qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở; cơ bản xóa nhà tạm, nhà đơn sơ, thiếu kiên cố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Kế hoạch thực hiện phạm vi toàn huyện. Trọng tâm là các xã, bản đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên địa bàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

Tổng vốn và nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là 411.140 triệu đồng, trong đó: NSTW 356.780 triệu đồng; NSDP 19.080 triệu đồng; Nguồn huy động khác 35.280 triệu đồng. Được phân bổ cho các Dự án sau:

1. Dự án 1 (thực hiện Tiểu dự án 1): Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng

a) Mục tiêu:

Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn; hỗ trợ địa bàn vùng khó khăn phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Nội dung thực hiện:

- + Công trình y tế cấp xã đạt chuẩn quốc gia theo quy định
- + Công trình, cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; phòng học kiên cố cho nhà trẻ, lớp mẫu giáo.
- + Công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân (nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ).
- + Công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, sản xuất.
- + Công trình giao thông đường trục chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện; cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa.
- + Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã.
- + Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.
- + Công trình ở cấp xã và thôn, bản phải đảm bảo tính kết nối giữa các thôn, giữa các thôn với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế người dân.
- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

c) Vốn và nguồn vốn: 234.879 triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư 214.072 triệu đồng; vốn sự nghiệp 20.807 triệu đồng), cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương: 228.879 triệu đồng (vốn đầu tư 208.072 triệu đồng; vốn sự nghiệp 20.807 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 6.000 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với, các cơ quan, phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người dân sinh sống trên địa bàn huyện. Ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Vốn và nguồn vốn: 41.325 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 40.081 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 1.244 triệu đồng.

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Người dân sinh sống trên địa bàn huyện; Ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Vốn và nguồn vốn: 18.410 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 17.854 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 556 triệu đồng.

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban, ngành ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện.

b) Đối tượng: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo. Hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 4.179 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

đ) Phân công thực hiện: Trung tâm Y tế chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng: Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ: Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm. Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã. Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 6.691 triệu đồng (vốn đầu tư).

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và

giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện.

b) Đối tượng: Người lao động trên địa bàn huyện có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 3.157 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

đ) Phân công thực hiện:

Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện.

b) Đối tượng: Người lao động trên địa bàn huyện. Ưu tiên lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, xây dựng các cơ sở dữ liệu giao dịch việc làm trực tuyến “việc tìm người - người tìm việc”.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 2.319 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực



hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” gồm nền cứng, khung-tường cứng và mái cứng, có tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Vốn và nguồn vốn: 94.000 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 47.440 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

- Ngân sách địa phương: 11.280 triệu đồng

- Nguồn huy động khác: 35.280 triệu đồng.

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện. Tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tiểu dự án: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo, gương sáng trong phong trào thi đua giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng: Người dân trên địa bàn toàn huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay, gương sáng trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở.

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 1.111 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

đ) Phân công thực hiện:

- Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện.

- Phòng Văn hoá-Thông tin kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Kế hoạch thực hiện Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Kế hoạch

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng: Cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung

thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 3.675 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu: Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng: Cơ quan chủ trì và các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan được giao thực hiện các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện giảm nghèo trên địa bàn.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo các xã, thị trấn.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 1.394 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

đ) Phân công thực hiện: Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, bao gồm vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương.

2. Ngoài ra được thực hiện lồng ghép từ các nguồn vốn hợp pháp khác: Các chương trình mục tiêu quốc gia, tín dụng, đóng góp của nhân dân.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về nguyên tắc thực hiện

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

c) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các xã gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương phù hợp với tình hình thực tế.

b) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

a) Huyện, xã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 theo quy định hiện hành.

b) Về cơ chế thực hiện

- Cơ chế đặc thù thực hiện Kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Kế hoạch. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.



- Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, mô hình giảm nghèo, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Kế hoạch.

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, Ủy ban nhân dân huyện chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra.

VII. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan chủ trì quản lý Kế hoạch thực hiện chương trình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan xây dựng, trình UBND huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan và ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức rà soát, xác định bổ sung xã đặc biệt khó khăn theo các tiêu chí quy định.

d) Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 và hằng năm theo quy định.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan và địa phương giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh theo quy định, thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Tài Chính-Kế hoạch

a) Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội và các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí, phân bổ nguồn ngân sách trung ương để đảm bảo hoạt động của Kế hoạch.

b) Tham mưu, bố trí vốn theo tiến độ hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Các cơ quan, phòng, ban được giao chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Kế hoạch.

a) Tổ chức thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị gửi về Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.



b) Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch, gửi Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

c) Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án khác trên địa bàn.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị, xã hội từ huyện đến cơ sở thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a) Thành lập Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Hằng năm rà soát bổ sung, đề xuất các nội dung chương trình, dự kiến kinh phí gửi cơ quan chủ trì Dự án theo quy định.

c) Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Kế hoạch trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025” của huyện. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, phòng, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn tập trung triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Lao động-Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-Thương binh &XH (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP: P2, CV2;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Thị Hồng Sim

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ)

Tổng cộng	Ngân sách nhà nước		Nguồn vốn huy động	Ghi chú
	NSTW	NSDP		
Danh mục Dự án	I=II+III+IV	II	III	IV
	411.140	356.780	19.080	35.280
DA 1 - Cở sở hạ tầng	234.879	228.879	6.000	
DA 2 - Đa dạng hóa sinh kế	41.325	40.081	1.244	
DA 3.1 - Hỗ trợ sản xuất	18.410	17.854	556	
DA 3.2 - Cải thiện dinh dưỡng	4.179	4.179		
DA 4.1b - Hỗ trợ GDNN (vốn sự nghiệp)	6.691	6.691		
DA 4.2 - Hỗ trợ đi XKLD	3.157	3.157		
DA 4.3 - Hỗ trợ việc làm bền vững	2.319	2.319		
Da 5 - Hỗ trợ nhà ở	94.000	47.440	11.280	35.280
DA 6.2 - Giảm nghèo truyền thông	1.111	1.111		
DA 7.1 - Nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch	3.675	3.675		
DA 7.2 - Giám sát, đánh giá	1.394	1.394		